

Bản án số: 18/2025/HC-PT

Ngày: 12/8/2025

V/v: “*Khiếu kiện Quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền;

Ông Trần Xuân Thảo.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang, Thư ký viên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện phúc thẩm và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử công khai, vụ án hành chính thụ lý số 231/2025/TLPT-HC ngày 20 tháng 03 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 82/2024/HC-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 996/2025/QĐPT-HC ngày 30 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Chị Phí Thị Thanh V, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số A T, phường N, TP H, tỉnh Hải Dương (nay là Số A T, phường H, thành phố Hải Phòng).

2. Người bị kiện:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh H.

Địa chỉ trụ sở chính: Số A, đường N, phường P, tỉnh Hưng Yên (*trước là: Số A, đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên*);

- Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Hưng Yên (*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Hưng Yên*);

- Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên (*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Hưng Yên*)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Trung tâm Y tế H7, tỉnh Hưng Yên (*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Trung tâm y tế H7, tỉnh Hưng Yên*);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T - Chức vụ: Phó trưởng phòng Tổ chức hành chính Tài chính;

- Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số nhà A, khu A, ngõ C N, phường H, thành phố Hải Phòng (*trước đây là: Số nhà A, khu A, ngõ C N, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương*);

Người đại diện theo ủy quyền của bà N1: Chị Phí Thị Thanh V, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số A T, phường H, thành phố Hải Phòng (*trước đây là: Số A T, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương*);

- Bà Phí Thị N2, sinh năm: 1952. Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, thành phố Hải Phòng (*trước đây là: Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương*)

- Bà Phí Thị T1, sinh năm 1930. Địa chỉ: thôn B, phường P, tỉnh Thái Nguyên (*trước đây là: Thôn B, xã P, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên*);

- Bà Phí Thị M, sinh năm 1941. Địa chỉ: Thôn A, xã Â, tỉnh Hưng Yên (*trước đây là: Thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên*);

- Ông Phí Văn C, sinh năm 1965. Địa chỉ: D, đường G, phường P, thành phố Hồ Chí Minh (*trước đây là: D, đường G, phường P, quận G, thành phố Hồ Chí Minh*);

- Ông Phí Văn B, sinh năm 1968. Thôn A, xã Â, tỉnh Hưng Yên (*trước đây là: Thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên*);

- Chị Phí Thị Kim D, sinh năm 1974. Địa chỉ: A H, K2, phường P, thành phố Hồ Chí Minh (*trước đây là: 1605 H, K2, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh*);

- Chị Phí Thị Thu H, sinh năm 1977. Địa chỉ: A Khu phố E, thị trấn N, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh (nay là A Khu phố E, xã N, thành phố Hồ Chí Minh);

- Anh Phí Văn Đ, sinh năm 1976. Thôn A, xã Â, tỉnh Hưng Yên (*trước đây là: Thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên*);

- Chị Phí Thị K, S năm 1983. Địa chỉ: A Khu phố E, xã N, thành phố Hồ Chí Minh (*trước đây là: A38, Khu phố D, T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh*);

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1961. Địa chỉ: Xóm T, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên (*trước đây là: Xóm T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên*);

- Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1969. Địa chỉ: T, phường B, thành phố Đà Nẵng (*trước đây là: T, T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam*);

- Ông Nguyễn Quang Y, sinh năm 1974. Địa chỉ: Xóm T, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên (*trước đây là: Xóm T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên*);

- Anh Nguyễn Quang T3, sinh năm 1980. Địa chỉ: Xóm T, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên (*trước đây là: Xóm T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên*);

- Bà Đoàn Thị H2, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Hưng Yên (*trước đây là: Thôn B, xã Đ, huyện A, tỉnh Hưng Yên*);

- Bà Đoàn Thị K1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn M, xã H, tỉnh Hưng Yên (*trước đây là: Thôn M, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên*);
- Ông Đoàn Văn U', sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Hưng Yên (*trước đây là: Thôn B, xã Đ, huyện A, tỉnh Hưng Yên*);
- Ông Đoàn Văn N3, sinh năm 1979. Thôn B, xã N, tỉnh Hưng Yên (*trước đây là: Thôn B, xã Đ, huyện A, tỉnh Hưng Yên*);
- Chị Đoàn Thị L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Hưng Yên (*trước đây là: Thôn B, xã Đ, huyện A, tỉnh Hưng Yên*);
- Bà Phí Thị C1, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn A, xã Â, tỉnh Hưng Yên (*trước đây là: Thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên*);
- Chị Phí Thị T4, sinh năm 1978. Địa chỉ: 1627/21/13 H, phường P, TP Hồ Chí Minh (*trước đây là: 1627/21/13 H, Phường P, Quận G, TP Hồ Chí Minh*);
- Chị Phí Thu H3, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn H, xã Â, tỉnh Hưng Yên (*trước đây là: Thôn H, thị trấn A, huyện A, Tỉnh Hưng Yên*);
- Anh Phí Văn V1, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Thôn A, xã Â, tỉnh Hưng Yên (*trước đây là: Thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên*);
- Chị Trần Thị H4, sinh năm 1981. địa chỉ hiện nay: A tổ C, khu phố D, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (*trước đây là: A tổ C, khu phố D, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh*);
- Cháu Phí Trần Hà M1, sinh năm 2011. Người đại diện là chị Trần Thị H4, sinh năm 1981 (*là mẹ đẻ của cháu H4*).

Tại phiên tòa có mặt: Chị Phí Thị Thanh V; bà Nguyễn Thị N1, bà Phí Thị N2 và ông Nguyễn Xuân T - Đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Trung tâm Y tế H7, tỉnh Hưng Yên. Các đương sự khác đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, người khởi kiện chị Phí Thị Thanh V trình bày:

Ông bà nội của chị là cụ Phí Văn G (chết năm 1993) và cụ Đặng Thị T5 (chết năm 1978), sinh được 07 người con gồm: Bà Phí Thị T1, ông Phí Văn D1, bà Phí Thị H5, ông Phí Văn B1, bà Phí Thị N2, bà Phí Thị N4 và ông Phí Đức V2 là bố đẻ của chị.

Khi còn sống, cụ G và cụ T5 được Hội nghị xã viên hàng năm của xã H giao cho sử dụng khoảng 1.080m² đất tại khu vực gần Bệnh viện huyện K (nay là Trung tâm y tế H7) từ năm 1929. Gia đình cụ G làm nhà tranh trên đất, sử dụng ổn định, hợp pháp đến năm 1967 thì cho Hợp tác xã mua bán Hoàng Hoa T6 mượn nhà đất để làm cửa hàng dịch vụ. Việc gia đình được giao đất và cho mượn đất chỉ bằng miệng không lập thành văn bản, giấy tờ; gia đình cụ G cũng không có tên trong hồ sơ địa chính, không có các tài liệu về nguồn gốc, không kê khai đất đai đối với diện tích đất 1.080m² nêu trên. Mặc dù không có văn bản giấy tờ thể hiện việc gia đình cụ G được giao đất cũng như hồ sơ địa chính nhưng việc gia đình cụ G được chia đất, sử dụng đất ổn định đến năm 1967 rồi

cho HTX mua bán mượn nhà đất có bà Phí Thị T7 - Nguyên Chủ tịch xã H, ông Đào Văn M2 - Nguyên Trưởng ban Q, bà Phí Thị P - nguyên là Phó chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp xã H và ông Trần Văn Đ1 - nguyên Giám đốc Bệnh viện Đ2 xác nhận.

Năm 1982 (hoặc 1986), địa phương thực hiện việc kê khai, đo đạc lập Bản đồ theo Chỉ thị 299 của Thủ tướng Chính phủ thì diện tích đất mà cụ G cho Hợp tác xã mượn được đo vẽ, lập bản đồ thành thửa đất số 480, TĐĐ số 4, diện tích 1.080 m². Thửa đất không có tên chủ sử dụng trong hồ sơ địa chính. Trên thực tế, Hợp tác xã mua bán vẫn giữ nhà và đất của cụ G, chưa trả cho cụ G. Khi xã Hoàng Hoa T6 đo đạc, lập bản đồ đã không cử cán bộ dẫn đạc nên không ghi tên chủ sử dụng là cụ Phí Văn G và cụ Đặng Thị T5 đối với thửa đất số 480, diện tích 1.080m² đất ở mà cụ ghi và cụ T5 đã cho Hợp tác xã Hoàng Hoa T6 mượn từ năm 1967. Bản đồ này đã đo gộp diện tích 1.080m² đất ở của hai cụ vào tổng diện tích đất của thửa 480, tờ bản đồ số 04, tại thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên và ghi là loại đất TĐ (T). Mặt khác, Sổ mục kê của Bản đồ 299 không ghi thông tin cụ thể của thửa đất số 480 là có sự không rõ ràng và không minh bạch. Hiện UBND xã H không có sổ mục kê của Bản đồ địa chính 299.

Tháng 5 năm 1990, khi thực hiện kê khai, đo đạc, lập bản đồ địa chính, thì thửa đất số 480 vẫn giữ nguyên về số thửa, có sự biến động về diện tích đất, chỉ còn lại 158m², nhưng lại có một số thửa đất mới được hình thành, không ghi diện tích, không ghi loại đất, không ghi tên chủ sử dụng đất trong sổ mục kê. Các thửa đất mới gồm thửa số 520, 521, 522, 527 có tổng diện tích là 179m² và thửa số 530 không ghi diện tích. Chi xác định, thửa đất số 480 đã được đo vẽ và tách thành 05 thửa đất nêu trên. Ngoài ra, còn có 02 thửa đất gồm thửa số 482 và 483 có diện tích tăng lên lần lượt là 90m² và 88m², tổng diện tích tăng của hai thửa là 178m². Thời kỳ lập bản đồ năm 1990 thì đã làm giảm diện tích của thửa đất số 480 và ranh giới các thửa đất bị thay đổi. Thửa đất số 480 có diện tích bị giảm 1.422m² so với bản đồ 299 là do có các thửa mới và do biến động của 02 thửa đất số 482 và 483 lấn sang. Khi lập Bản đồ địa chính năm 1990, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H đã không quy chủ sử dụng đất cho cụ Phí Văn G và cụ Đặng Thị T5 đối với thửa đất diện tích 1.080m². Bản đồ năm 1990 đã làm biến động giảm diện tích của thửa đất 480 và làm xuất hiện thêm các thửa đất mới, nhưng vẫn không quy chủ sử dụng cho cụ Phí Văn G và Đặng Thị T5 đối với diện tích đất diện tích 1.080m² mà hai cụ đã cho Hợp tác xã mua bán Hoàng Hoa T6 mượn vào năm 1967. Năm 2017, khi đo đạc, lập Bản đồ địa chính, thì thửa đất 480 được đo vẽ, đổi tên thành các thửa đất mới được đánh số 54, 55, 31, 32, 33, 34, 35. Các thửa này có diện tích tăng lên, làm mất đi thửa đất số 480. Ngoài ra, thửa đất số 486, bản đồ năm 1990 nay là thửa số 11, bản đồ năm 2017 có diện tích tăng lên cũng làm mất đi diện tích của thửa đất số 480. Thửa đất số 530 cũng mất đi và chỉ còn là đất lưu không. Bản đồ địa chính năm 2017 đã không còn thửa đất số 480 và cũng không có tên chủ sử dụng là cụ Phí Văn G đối với diện tích đất mà cụ G đã được phân chia và cho Hợp tác xã mượn để làm cửa hàng dịch vụ từ năm 1967.

Từ năm 2007, bà Nguyễn Thị N1 (là mẹ đẻ của chị) đã làm đơn đề nghị

UBND xã H trả lại thửa đất mà cụ G cho Hợp tác xã mượn. Khi đó, UBND xã cũng đã giải quyết và trả lời không có căn cứ trả lại đất. Sở dĩ bà N1 làm đơn yêu cầu UBND xã giải quyết trả lại đất là do từ năm 1993, bà N1 đã đứng đơn khiếu nại cùng với cụ G. Vì cụ G đã có di chúc bằng miệng cho con trai là ông Phí Đức V2 và con dâu là bà Nguyễn Thị N1 toàn bộ diện tích đất 1.080m² nêu trên, đã được các anh chị em của ông V2 có đơn xác nhận. Do ông Phí Đức V2 đã mất năm 2001 nên mẹ con chị phải tiếp tục gửi đơn thư khiếu nại, khiếu kiện đến các cơ quan để yêu cầu giải quyết quyền lợi. Gia đình chị biết các bản đồ địa chính năm 1982 -1986, Bản đồ địa chính năm 1990, Bản đồ địa chính năm 2017 đã không quy chủ sử dụng cho cụ Phí Văn G đối với diện tích đất 1.080m² mà cụ G và cụ T5 đã cho Hợp tác xã mua bán Hoàng Hoa T6 mượn từ nhiều năm trước đây. Từ năm 2017 đến năm 2023, mẹ chị là bà Nguyễn Thị N1 và chị đã có nhiều đơn thư kiến nghị gửi UBND xã H và UBND huyện A để yêu cầu phải xác nhận nguồn gốc đất cho cụ G, cụ T5 cũng như phải đo đạc thửa đất để trả lại 1.080m² đất cho cụ G và cụ T5. Do cụ G khi còn sống đã tuyên bố miệng tặng cho bố mẹ chị là ông Phí Đức V2 và bà Nguyễn Thị N1 quyền sử dụng 1.080m² đất tại khu vực giáp bệnh viện Đ2 nên gia đình chị có quyền sử dụng đối với diện tích đất 1.080m² và được quyền làm đơn yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền phải giải quyết quyền lợi cho gia đình chị. Trong các đơn đề nghị giải quyết về quyền sử dụng đất thì mẹ con chị đều đã nêu rõ sự sai phạm của các Bản đồ 299, Bản đồ 1990 và Bản đồ năm 2017. Đồng thời trong các đơn thư cũng căn cứ vào các bản đồ địa chính nêu trên để chứng minh quá trình biến động của diện tích 1.080m² của cụ G trước đây, chẳng hạn như tại đơn đề nghị đề ngày 25/8/2022 gửi UBND thị trấn A thì bà N1 cũng đã viện dẫn đến các bản đồ nêu trên. Đơn này do chính chị soạn thảo và đánh máy cho bà N1 ký. Hay như đơn đề nghị đề ngày 19/9/2022 của bà Nguyễn Thị N1 gửi UBND huyện A và UBND thị trấn A thì bà N1 cũng đã viện dẫn đến các bản đồ nêu trên. Đơn đề ngày 19/9/2022 cũng do chị soạn thảo, đánh máy vì tính cho mẹ ký nên chị biết rất rõ nội dung trong đơn. Nhưng các cơ quan này đều đùn đẩy trách nhiệm và trả lời gia đình chị là không có căn cứ để xác định cụ G và cụ T5 có quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 1.080m².

Sau khi UBND xã H giải quyết đơn và trả lời không có căn cứ xác nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.080m² đất cho gia đình cụ Phí Văn G, bà Nguyễn Thị N1 không đồng ý với kết quả giải quyết nên làm đơn khiếu nại, kêu cứu đến các cơ quan ban ngành từ địa phương đến Trung ương để yêu cầu trả lại thửa đất số 480 theo Bản đồ 299 và Bản đồ 1990 cho gia đình và tiến hành nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên. Cụ thể:

- Vào tháng 6 năm 2023, chị có nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định số 1877/QĐ- UBND ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh H về việc kiện toàn Ban chỉ đạo triển khai thực hiện Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính” giai đoạn 2012 - 2013 tỉnh Hưng Yên. Ngày 09/6/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã ra Thông báo trả lại đơn khởi kiện số 185/TB-TA ngày 09/6/2023, trả lại đơn khởi kiện của chị với lý do người khởi kiện không có quyền khởi

kiện. Ngày 14/6/2023 chị nhận được thông báo trả lại đơn khởi kiện số 185/TB-TA. Sau khi nhận được thông báo trả lại đơn khởi kiện nêu trên thì chị không khiếu nại.

- Tháng 01/2024, chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên: Hủy một phần Bản đồ địa chính năm 1982 (hoặc 1986) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H lập có liên quan đến thửa đất số 480 của gia đình cụ Phí Văn G cho Hợp tác xã M mượn năm 1967; Hủy một phần bản đồ địa chính năm 1990 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H lập kèm theo Sổ mục kê có sửa chữa, phần có liên quan đến biến động của thửa đất số 480.

- Tháng 5 năm 2024, chị có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên: Hủy một phần Bản đồ địa chính năm 2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H lập có liên quan đến biến động của thửa đất 480 ban đầu.

Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, chị Phí Thị Thanh V thay đổi, bổ sung nội dung yêu cầu khởi kiện đối với UBND huyện A và UBND xã H như sau:

- Đối với UBND huyện A: Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên hủy Thông báo số 820/TB-UBND ngày 10/11/2022 của UBND huyện A, tỉnh Hưng Yên về việc trả lời đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N1, thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên; Buộc UBND huyện A phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N1 và các con, cháu của bà Nguyễn Thị N1 và ông Phí Đức V2 [*Các con của bà N1 và ông V2 gồm: Con gái: Phí Thị Thanh V; anh Phí Quang V3 (đã chết năm 2015) có vợ là Trần Thị H4, con gái Phí Trần Hà M3, sinh năm 2011*]. Lý do chị khởi kiện hủy Thông báo số 820/TB-UBND bởi vì: Thông báo số 820/TB-UBND có nội dung: *“Gia đình Bà Nguyễn Thị N1 không có hồ sơ, tài liệu liên quan đến thửa đất số 480, việc bà Nguyễn Thị N1 đòi lại thửa đất số 480 do bà N1 cho rằng đất của cụ Phí Văn G đã sử dụng từ năm 1967, đồng thời đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên là không có căn cứ”*. Nội dung trong văn bản trả lời đơn nêu trên của UBND huyện A đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sử dụng đất của gia đình chị đối với một phần thửa đất số 480, diện tích 1.080m² mà cụ Phí Văn G là chủ sử dụng hợp pháp từ những năm 1929, trên cơ sở nội dung xác nhận của bà Phí Thị P, ông Trần Văn Đ1, Phí Thị T7, ông Đào Văn M2 như chị đã trình bày trong các đơn khởi kiện. Gia đình bà Phí Thị N5 và các con hoàn toàn đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất 1.080m² do được tặng cho và hưởng thừa kế từ cụ Phí Văn G và ông Phí Đức V2.

- Đối với UBND xã H: Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên hủy Thông báo số 61/TB- UBND ngày 11/12/2023 của UBND xã H về việc trả lời nội dung đơn xin xác nhận quyền sử dụng đất của chị Phí Thị Thanh V; buộc UBND xã H phải thực hiện việc xác nhận nguồn gốc, chủ sử dụng đất cho cụ Phí Văn G đối với thửa đất số 480, TĐĐ số 4, bản đồ địa chính 299 và bản đồ 1990. Lý do mà chị khởi kiện hủy thông báo số 61/TB- UBND là do gia đình chị có đầy đủ xác nhận của những người làm chứng về việc cụ G có diện tích đất

1.080m² đất tại khu vực Bệnh viện Đ2 đã cho Hợp tác xã Hoàng Hoa T6 mượn từ năm 1967 nhưng UBND xã H vẫn cố tình không xác nhận nguồn gốc quyền sử dụng đất cho gia đình cụ Phí Văn G. Chính vì việc này mà UBND huyện A đã không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất nêu trên cho bà N5 và các con.

Đối với yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính không tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Chi nhánh Văn phòng Đ3 thì chị V đã rút yêu cầu và đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vì lý do chị chưa bao giờ đến cơ quan này để nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Công văn số 1151/STNMT-TTr ngày 20/5/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H trình bày:

Lý do mà người khởi kiện đưa ra để yêu cầu Tòa án hủy bản đồ địa chính xã H, huyện A do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H lập qua các thời kỳ vì người khởi kiện cho rằng: Cụ Phí Văn G1 và bà Đặng Thị T5 là ông bà nội của người khởi kiện có thửa đất giáp Bệnh viện huyện K (nay là Trung tâm y tế H8), diện tích 03 sào, tương đương 1.080 m², nguồn gốc do hai cụ sử dụng từ năm 1927, đến năm 1967 hai cụ cho Hợp tác xã mua bán mượn để sử dụng làm địa điểm bán hàng. Năm 1982, thực hiện đo đạc, lập bản đồ theo Chỉ thị 299/TTg, Sở Địa chính tỉnh H (cũ) nay là Sở Tài nguyên và Môi trường đo vẽ bản đồ không có người dẫn đạc là cán bộ địa chính xã H nên dẫn đến việc xác định thửa đất 480 là loại đất TĐ, cho toàn bộ diện tích bao gồm đất ở của cụ G1 và các thung vũng nằm ngoài khuôn viên bệnh viện được gộp vào thửa đất 480. Khi đo đạc, lập bản đồ địa chính năm 1990 thì Sở T không quy chủ sử dụng đất cho cụ Phí Văn G. Thửa đất 480 được tách thành các thửa đất mới gồm thửa 529, diện tích 61m²; thửa đất 521, diện tích 61m²; thửa đất 522, diện tích 23m²; thửa đất 527, diện tích 34m²; thửa đất 530 không có diện tích, không ghi loại đất gì, thửa đất 480 còn lại 158m². Khi đo đạc, lập bản đồ địa chính năm 2017, Sở T đã làm mất đi thửa đất số 480 trước đây (trong thửa đất 480 trước đây có cả diện tích đất 1.080m² của cụ G và cụ T5), thay vào đó là tạo ra các thửa đất mới.

Trước yêu cầu khởi kiện và các lý do của người khởi kiện nêu ra như trên, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H hoàn toàn không nhất trí, bởi lẽ: Theo các tài liệu, hồ sơ địa chính do UBND xã H quản lý thì tại thời điểm đo đạc, lập bản đồ địa chính xã H năm 1982, cụ Phí Văn G và Đặng Thị T5 không có thông tin kê khai chủ sử dụng đất đối với diện tích đất 1.080 m² tại khu vực Bệnh viện Đ2 trước đây như chị V trình bày. Do đó, không có căn cứ để quy chủ sử dụng đất cho cụ G và cụ T5 trong bản đồ năm 1982. Tương tự như vậy, qua các kỳ đo đạc, lập bản đồ địa chính xã H năm 1990 và năm 2017 cũng không có tài liệu, hồ sơ địa chính nào thể hiện cụ G và cụ T5 có quyền sử dụng đối với diện tích đất như chị V đã trình bày nên đơn vị thực hiện đo vẽ không có căn cứ để xác định và quy chủ sử dụng đất cho hai cụ. Mặt khác, bản đồ địa chính xã H được đo vẽ và lập qua các năm 1982, 1990 là do Ban quản lý ruộng đất thuộc Sở N thực hiện; năm 1997 sau khi tái lập tỉnh Hưng Yên mới thành lập Sở Địa chính tỉnh Hưng Yên và năm 2003 đổi tên là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H.

Việc đo đạc bản đồ qua các thời kỳ đều được thực hiện theo quy trình, quy phạm về đo đạc bản đồ. Sản phẩm đo đạc bản đồ đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, nghiệm thu và phê duyệt theo quy định. Bản đồ địa chính phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai.

Về quy trình đo đạc bản đồ: Khi thực hiện đo đạc thửa đất phải tiến hành xác minh ranh giới, mốc giới, có sự chứng kiến của các chủ tiếp giáp và đại diện chính quyền thôn, đối với những thửa đất do UBND xã quản lý mốc giới thuộc trách nhiệm của UBND xã.

Kể từ thời điểm tách tỉnh năm 1997 đến nay, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại nào của chị V đối với các bản đồ địa chính của xã Hoàng Hoa T6 cũng như chưa ban hành bất cứ thông báo, văn bản gì về việc giải quyết khiếu nại, kiến nghị của chị V đối với các bản đồ địa chính xã H qua các thời kỳ. Theo như nội dung các đơn đề nghị đo đạc, giao trả lại quyền sử dụng mà bà Nguyễn Thị N1 (mẹ của chị V) và đơn đề nghị của chị V gửi UBND huyện A, UBND xã H trước thời điểm gửi đơn khởi kiện đến Tòa án đều có nội dung đề cập và viện dẫn đến các bản đồ địa chính xã H. Như vậy, có căn cứ xác định người khởi kiện đã biết và nắm rõ về các bản đồ địa chính xã H Thẩm qua các thời kỳ. Tuy nhiên, đến tận cuối năm 2023, chị V mới nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên để yêu cầu hủy các bản đồ địa chính và sổ mục kê kèm theo là đã quá thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện do hết thời hiệu khởi kiện. Trường hợp Tòa án không đình chỉ vụ án mà vẫn đưa ra xét xử thì Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện vì không có căn cứ để hủy các bản đồ địa chính xã H qua các thời kỳ đo đạc.

Người bị kiện UBND huyện A trình bày:

Thứ nhất, về nguồn gốc thửa đất số 480, tờ bản đồ số 13, bản đồ 299 năm 1986 xã H mà chị V đang cho rằng cụ Phí Văn G được Hội nghị xã viên xã H chia cho từ năm 1927, theo cung cấp của UBND xã H, huyện A và các tài liệu, hồ sơ địa chính thể hiện:

- Trước thời điểm đo đạc, lập bản đồ địa chính năm 1986 theo Chỉ thị 299/TTg, UBND xã H, huyện A không có bản đồ địa chính nào khác.

- Theo Bản đồ đo đạc năm 1986 theo Chỉ thị 299/TTg xã H thể hiện thửa đất 480, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.580 m², loại đất TĐ. Trên sổ mục kê không thể hiện thông tin về thửa đất số 480, tờ bản đồ số 13.

- Theo bản đồ đo đạc năm 1990 xã H thể hiện thửa đất 480 thuộc tờ bản đồ số 02, có diện tích 158m², loại đất TĐ. Trên sổ mục kê không thể hiện thửa đất số 480 của cá nhân, tổ chức nào quản lý, sử dụng. Thửa đất số 480 vẫn giữ nguyên về số thửa, có sự biến động về diện tích đất, chỉ còn lại 158 m², nhưng lại có một số thửa đất mới được hình thành gồm một thửa đất (không thể hiện số thửa, diện tích, loại đất, tên chủ sử dụng) chạy bao quanh khu đất bệnh viện.

Đây là một phần của thửa đất số 480, tờ bản đồ số 13, bản đồ 299 năm 1986; thửa đất số 520, đứng tên chủ sử dụng ông Vũ Văn D2, diện tích 61m² đã được UBND tỉnh H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Danh sách cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND xã lập để theo dõi); thửa đất số 521, diện tích 61m², đứng tên chủ sử dụng ông Phí Văn V1, đã được UBND tỉnh H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; các thửa đất số 522, diện tích 23m²; thửa đất số 527, diện tích 34m² và thửa đất số 530, diện tích 13 m². Cả ba thửa đất số 522, 527 và 530 đều không ghi loại đất, không ghi tên người sử dụng đất và được kẻ vẽ tay bằng mực bút bi.

Đối với quan điểm của chị V cho rằng: thửa đất số 482, TĐĐ số 02, bản đồ năm 1990, diện tích 782m², loại đất T (Thổ cư), tên chủ sử dụng Phạm Thị U có sự biến động tăng lên 80m² so với bản đồ 299; thửa số 483 trên bản đồ 299, diện tích 306m², được tách thành thửa đất số 483, diện tích 200m², loại đất T, tên chủ sử dụng Phùng Văn H6 và thửa đất số 483b, loại đất T, diện tích 204m², chủ sử dụng là ông Phùng Văn H6 có sự biến động tăng diện tích, tổng là 98m² và sự biến động tăng lên của thửa đất số 482 và 483 nêu trên đã làm giảm diện tích thửa đất số 480 và ranh giới các thửa đất bị thay đổi là không có cơ sở. Bởi lẽ, hình thể, ranh giới của thửa đất số 480 trên bản đồ 299 năm 1986 so với tổng hình thể của các thửa 480, 520, 521 và phần đất không thể hiện số thửa, loại đất của bản đồ 1990 là trùng khớp, không có sự thay đổi về hình thể, diện tích. Điều này chứng tỏ không có sự liên quan giữa thửa đất số 482 và 483 với thửa đất số 480 như quan điểm của chị V đã nêu ở trên.

Năm 1996, thị trấn A được thành lập, bao gồm toàn bộ xã T, một phần xã Q, một phần xã Đ, một phần xã H, nên khu vực Bệnh viện Đ2, trong đó có thửa đất số 480 được bàn giao về thị trấn A quản lý. Nhưng bản đồ, mục kê được lập trước thời điểm đó vẫn do UBND xã H quản lý.

Trong khoảng thời gian từ năm 2007 đến năm 2023, bà Nguyễn Thị N1 là con dâu ông Phí Văn G và bà Đặng Thị T5, chị Phí Thị Thanh V là cháu nội ông Phí Văn G nhiều lần có đơn đề nghị UBND huyện A xem xét giải quyết đo đạc, giao trả lại diện tích đất 1.080m² cho gia đình sử dụng. Gần đây nhất là đơn đề nghị đề ngày 19/9/2022 của bà Nguyễn Thị N1 có nội dung yêu cầu UBND huyện A phải giao trả quyền sử dụng đất cho cụ Phí Văn G và đơn đề nghị đề ngày 03/01/2023 của chị Phí Thị Thanh V đề nghị UBND huyện A giao trả lại thửa đất có diện tích 1.080m² thuộc một phần thửa đất 480, TĐĐ số 4, bản đồ 299 năm 1982 của xã H của gia đình bà Nguyễn Thị N1 do cha ông để lại. UBND huyện A đã ban hành văn bản trả lời đơn số 820/TB-UBND ngày 10/11/2022 với nội dung gia đình bà N1 không có hồ sơ tài liệu nào liên quan đến thửa đất số 480. Việc bà N1 yêu cầu UBND huyện A phải đo đạc, giao lại diện tích đất 1.080m² thuộc một phần thửa đất 480 mà bà cho rằng là diện tích đất của cụ Phí Văn G (bố chồng bà N1) sử dụng từ năm 1927 là không có căn cứ. Đối với đơn đề nghị đề ngày 03/01/2023 của chị V, do có cùng nội dung với đơn của bà N1 là đề nghị UBND huyện A đo đạc, giao lại diện tích đất 1.080 m² thuộc một phần thửa đất số 480, TĐĐ số 4, bản đồ địa chính năm 1986, thuộc trường hợp đơn gửi cho nhiều cơ quan, tổ chức theo điểm b khoản 2 Điều 6

Thông tư Số 05/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định: “Đơn không đủ điều kiện xử lý bao gồm: ... Đơn được gửi cho nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong đó có cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc người có thẩm quyền giải quyết...”. Do đó, UBND huyện A đã xử lý lưu đơn của chị V theo căn cứ tại điểm a khoản 1 điều 28 Thông tư Số 05/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ.

Yêu cầu khởi kiện của chị V đề nghị Tòa án tuyên hành vi hành chính “không đo đạc, giao lại cho gia đình bà N1 và chị V diện tích đất 1.080 m² thuộc thửa đất số 480, TĐĐ số 4, bản đồ địa chính xã H năm 1986 để gia đình chị sử dụng” của UBND huyện A là trái pháp luật thì UBND huyện A hoàn toàn không chấp nhận. Đề nghị Tòa án tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị V.

Người bị kiện UBND xã H trình bày:

Năm 1996, thị trấn A được thành lập, bao gồm toàn bộ xã T, một phần xã Q, một phần xã Đ, một phần xã H, nên khu vực Bệnh viện Đ2, trong đó có thửa đất số 480 được bàn giao về thị trấn A quản lý. Nhưng bản đồ, mục kê được lập trước thời điểm đó vẫn do UBND xã H quản lý.

Trong khoảng thời gian từ năm 2007 đến năm 2023, bà Nguyễn Thị N1 là con dâu ông Phí Văn G và Chị Phí Thị Thanh V là cháu nội ông Phí Văn G nhiều lần có đơn đề nghị UBND xã H giải quyết. Gần đây nhất là đơn đề ngày 05/12/2023, Chị V có đơn xin xác nhận quyền sử dụng đất và sở hữu đất ở đối với thửa đất số 480, đứng tên ông Phí Văn G là đúng sự thật. Sau khi xem xét đơn và nguồn gốc sử dụng của thửa đất qua các thời kỳ lập bản đồ, UBND xã H đã có Công văn số 61/TB-UBND ngày 11/12/2023, trả lời chị V với nội dung không có cơ sở xác nhận thửa đất số 480, TĐĐ số 13, bản đồ 299 năm 1986 thuộc quyền sở hữu của gia đình ông Phí Văn G.

Đến nay, đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phí Thị Thanh V đề nghị Tòa án buộc UBND xã H phải xác nhận thửa đất 480, thuộc tờ bản đồ đo đạc theo CHỈ THỊ 299/TTG năm 1986 và tờ bản đồ 02, bản đồ địa chính năm 1990 thuộc quyền sở hữu của gia đình ông Phí Văn G thì UBND xã H có quan điểm đề nghị Tòa án không chấp nhận. Bởi lẽ, toàn bộ hồ sơ địa chính qua các thời kỳ đo đạc, lập bản đồ từ năm 1986 đến nay đều không thể hiện bất cứ thông tin gì về tên chủ sử dụng thửa đất số 480 là cụ Phí Văn G nên UBND xã không có căn cứ xác nhận nguồn gốc sử dụng đất theo yêu cầu của chị V. Mặt khác, chị V cho rằng, cụ G được Hội nghị xã viên xã H chia cho 3 sào đất từ năm 1927 là hoàn toàn không có căn cứ. Thời điểm năm 1927 vẫn thuộc thời kỳ phong kiến, dưới ách thống trị của thực dân Pháp nên không thể có Hội nghị xã viên để giao đất cho cụ G như chị V trình bày. Những người làm chứng đã xác nhận nguồn gốc đất của cụ G như bà Phí Thị T7, ông Trần Văn Đ1... thì đều sinh ra sau thời điểm năm cụ G được giao đất như chị V trình bày nên không thể biết sự kiện này.

Về việc chị Phí Thị Thanh V trình bày đã nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 480, TĐĐ số 2, bản đồ năm 1990, cho đến nay, UBND xã H xác định là chưa nhận được đơn đề nghị về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các tài liệu kèm theo của chị V giao nộp hoặc gửi cho UBND xã.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quan điểm:

+ Trung tâm Y tế H7 trình bày: Về việc sử dụng đất của Bệnh viện Đ2 trước đây, nay là Trung tâm y tế H7 theo đúng diện tích đất, tứ cận, ranh giới được giao theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh H cấp. Hoàn toàn không có việc Trung tâm y tế H7 lấn chiếm hoặc sử dụng sang đất của tổ chức, cá nhân nào khác.

Đối với quan điểm, ý kiến của chị Phí Thị Thanh V, là người khởi kiện trong vụ án hành chính cho rằng Trung tâm y tế H7 đang xây dựng và làm thay đổi hiện trạng quyền sử dụng đất có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị Phí Thị Thanh V là hoàn toàn không có căn cứ và không có cơ sở. Hiện nay, Trung tâm y tế H7 đang triển khai thực hiện Dự án xây dựng khu nhà điều trị công nghệ cao. Dự án đã được UBND tỉnh H phê duyệt và đã trải qua nhiều bước xây dựng, thẩm định, lập hồ sơ, bản vẽ thiết kế... nên không thể có việc xây dựng lấn chiếm sang các phần đất khác hoặc các thửa đất khác. Đối với yêu cầu của chị V đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời buộc Trung tâm y tế H7 phải tạm dừng việc xây dựng là hoàn toàn vô lý và không có căn cứ, gây ảnh hưởng đến quá trình, tiến độ thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu nhà điều trị công nghệ cao đã được các cấp các ngành phê duyệt. Do đó, Trung tâm y tế H7 đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu này của chị V bởi lý do chị V không đưa ra được căn cứ nào chứng minh Trung tâm y tế H7 lấn chiếm hoặc sử dụng đất đai gì thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình chị V tại khu vực này.

Trung tâm Y tế H7 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của chị Phí Thị Thanh V.

+ Bà Đoàn Thị L, ông Đoàn Văn N6, ông Đoàn Văn U, bà Đoàn Thị K1, bà Đoàn Thị H2, chị Trần Thị H4, ông Nguyễn Quang T3, ông Nguyễn Quang Y, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị H1, bà Phí Thị M, bà Phí Thị T1 trình bày: Việc UBND xã H kê khai tên người sử dụng đất cho cụ G và Bản đồ địa chính năm 1990 do Sở T lập không quy tên chủ sử dụng là ông Phí Văn G là sai. Về thửa đất thì họ đều không liên quan và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

+ Ông Phí Văn Đ, ông Phí Văn B, bà Phí Thị C2, bà Phí Thị Thu H, bà Phí Thị K, bà Phí Thị Kim D, ông Phí Văn C, bà Phí Thị C2 đều không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện cả chị V và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị N1: Việc UBND xã H kê khai tên người sử dụng đất cho cụ G và Bản đồ địa chính năm 1990 do Sở T lập không quy tên chủ sử dụng là ông Phí Văn G là sai. Hiện nay thửa đất thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà theo di nguyện của cụ Đặng Thị T5, ông Phí Văn G và biên bản họp gia đình.

+ Bà Phí Thị N2: Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Về thửa đất thì bà không liên quan và đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

+ Chị Phí Thị T4, chị Phí Thu H3, anh Phí Văn V1: Đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

và đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng bà Phí Thị T7, ông Trần Văn Đ1, ông Đào Văn M2:* Xác định không nắm được cụ thể việc cụ G có được giao diện tích đất 1.080m², không biết, không chứng kiến việc cụ G cho Hợp tác xã mua bán Hoàng Hoa T6 mượn nhà đất để làm cửa hàng dịch vụ.

- *Người làm chứng bà Phí Thị P:* Xác định không nắm được cụ thể việc cụ G có được giao diện tích đất 1.080m², không biết rõ thời điểm cụ G cho Hợp tác xã mượn nhà đất.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 82/2024/HC-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã quyết định: Căn cứ:

- Khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116; Điều 143, Điều 144, Điều 158; Điều 191; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ – CP của chính phủ quy định chi tiết Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

1. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu của chị Phí Thị Thanh V về việc tuyên hành vi không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện A là trái pháp luật do chị V rút yêu cầu. Người khởi kiện được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

2. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của chị Phí Thị Thanh V đối với một phần bản đồ địa chính xã H do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H lập các năm 1986, 1990 và năm 2017 do hết thời hiệu khởi kiện. Người khởi kiện không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

3. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phí Thị Thanh V về việc tuyên Thông báo trả lời đơn số 820/TB-UBND ngày 10/11/2022 của UBND huyện A, tỉnh Hưng Yên về việc trả lời đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N1, thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên và Thông báo trả lời đơn số 61/TB- UBND ngày 11/12/2023 của UBND xã H về việc trả lời nội dung đơn xin xác nhận quyền sử dụng đất của chị Phí Thị Thanh V là trái pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, chị Phí Thị Thanh V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có văn bản trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên các quan điểm và lời khai trong hồ sơ vụ án cũng như tại giai đoạn sơ thẩm.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội có quan điểm: Về tố tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán - Chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

+ Về hướng giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo của người khởi kiện, xác định: Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định *“Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của chị Phí Thị Thanh V đối với một phần bản đồ địa chính xã H do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H lập các năm 1986, 1990 và năm 2017 do hết thời hiệu khởi kiện. Người khởi kiện không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính”* là không đúng; do các bản đồ này có liên quan mật thiết với đối tượng khởi kiện là thông báo trả lời đơn số 820/TB-UBND ngày 10/11/2022 của UBND huyện A và Thông báo trả lời đơn số 61/TB-UBND ngày 11/12/2023 của UBND xã H nên cần được xem xét trong quá trình giải quyết bản án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của chị Phí Thị Thanh V nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật tố tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, người bị kiện; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 225 của Luật tố tụng hành chính, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử vắng mặt họ.

[1.3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng đối tượng khởi kiện (quyết định hành chính, hành vi hành chính), tư cách đương sự, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Chị Phí Thị Thanh V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Tuyên hủy một phần các bản đồ địa chính năm 1986, năm 1990, năm 2017 xã H do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H ban hành (phần có liên quan đến diện tích đất 1.080m² thuộc thửa đất số 480, TĐĐ số 04 bản đồ địa chính

năm 1986);

2. Tuyên hủy văn bản trả lời đơn số 820/TB-UBND ngày 10/11/2022 của UBND huyện A, tỉnh Hưng Yên về việc trả lời đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N1, thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên; Buộc UBND huyện A phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N1 và các con, cháu của bà Nguyễn Thị N1 và ông Phí Đức V2;

3. Tuyên hủy Thông báo số 61/TB- UBND ngày 11/12/2023 của UBND xã H về việc trả lời nội dung đơn xin xác nhận quyền sử dụng đất của chị Phí Thị Thanh V; buộc UBND xã H phải thực hiện việc xác nhận nguồn gốc, chủ sử dụng đất cho cụ Phí Văn G đối với thửa đất số 480, TĐĐ số 4, bản đồ địa chính 299 và bản đồ 1990.

Đối với yêu cầu tuyên hành vi hành chính không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Chi nhánh văn phòng Đ3, do tại buổi làm việc ngày 11/6/2024 người khởi kiện đã rút yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận và căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính để đình chỉ giải quyết là đúng pháp luật.

[3] Về quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với yêu cầu của người khởi kiện hủy một phần các bản đồ địa chính của xã H do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H, Hưng Yên lập năm 1986, 1990 và năm 2017 (phần có liên quan đến diện tích đất 1.080m² mà chị V cho rằng cụ Phí Văn G cho Hợp tác xã M mượn): Theo lời khai của người khởi kiện có trong hồ sơ vụ án thể hiện, người khởi kiện và gia đình đã biết về các bản đồ địa chính xã H nêu trên từ nhiều năm trước thời điểm nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên. Từ năm 2017 người khởi kiện đã có nhiều đơn thư kiến nghị gửi UBND xã H và UBND huyện A để yêu cầu phải xác nhận nguồn gốc đất cho cụ G, cụ T5 cũng như phải đo đạc thửa đất để trả lại 1.080m² đất cho cụ G và cụ T5. Trong các đơn đề nghị giải quyết về quyền sử dụng đất, chị V và bà Nguyễn Thị N1 đều cho rằng có sự sai phạm tại các bản đồ 299, bản đồ 1990 và bản đồ năm 2017 và đã viện dẫn ra các bản đồ địa chính nêu trên để chứng minh quá trình biến động của diện tích đất 1.080m², thuộc thửa đất 480 mà chị V đang cho rằng của cụ G trước đây. Tại đơn đề nghị đề ngày 25/8/2022 gửi UBND thị trấn A do chị V soạn thảo và đánh máy cho mẹ là bà N1 ký tên cũng đã viện dẫn đến các bản đồ nêu trên. Tại đơn đề nghị đề ngày 19/9/2022 của bà Nguyễn Thị N1 gửi UBND huyện A và UBND thị trấn A thì bà N1 cũng đã viện dẫn đến các bản đồ nêu trên. Tại phiên tòa, chị V xác định đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cung cấp cho các bản đồ địa chính xã H từ tháng 7 năm 2017. Như vậy, có căn cứ xác định người khởi kiện đã biết đến nội dung của các bản đồ địa chính nêu trên từ tháng 7 năm 2017 nhưng đến ngày 28/01/2024, người khởi kiện mới nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên để yêu cầu hủy một phần các bản đồ địa chính nêu trên là đã quá thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện này của chị V là đúng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa cho rằng do những bản đồ địa chính trên là

quyết định hành chính có liên quan đến các yêu cầu khởi kiện hành chính khác của người khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ do hết thời hiệu là không đúng mà cần xem xét, đánh giá, đồng thời bác yêu cầu của người khởi kiện không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc chị V khởi kiện đối với văn bản số 820/TB-UBND ngày 10/11/2022 của UBND huyện A, tỉnh Hưng Yên về việc trả lời đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N1 và Thông báo số 61/TB-UBND ngày 11/12/2023 của UBND xã H về việc trả lời nội dung đơn xin xác nhận quyền sử dụng đất của chị Phí Thị Thanh V nằm trong thời hiệu quy định tại Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 là đúng pháp luật.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đề nghị hủy văn bản số 820/TB-UBND ngày 10/11/2022 của UBND huyện A, tỉnh Hưng Yên về việc trả lời đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N1, thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên:

- Về thẩm quyền ban hành: Theo quy định tại khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013 thì UBND huyện có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân. Thông báo số 820/TB-UBND ngày 10/11/2022 của UBND huyện A có nội dung xác định gia đình bà Nguyễn Thị N1 không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 nên không thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên có chứa đựng nội dung quản lý nhà nước về đất đai và là quyết định hành chính cá biệt. Quyết định do UBND huyện ban hành là đúng về thẩm quyền.

- Về thời hạn, trình tự, thủ tục ban hành: Sau khi nhận được đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N1 là đại diện gia đình, UBND huyện A đã có văn bản gửi UBND thị trấn A đề nghị báo cáo về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và hồ sơ địa chính liên quan đến diện tích đất 1.080m² mà gia đình bà Nguyễn Thị N1 đang đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tổ chức buổi làm việc với bà N1 và chị V để xuất trình các tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất của gia đình Trên cơ sở báo cáo của UBND thị trấn A về việc gia đình bà N1 không có tên chủ sử dụng đất trong hồ sơ địa chính do UBND thị trấn đang quản lý nên UBND huyện A đã ra Thông báo số 820/TB-UBND ngày 10/11/2022 trả lời cho gia đình bà N1 là đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì về trình tự, thủ tục ban hành Thông báo trả lời đơn số 820/TB-UBND của UBND huyện A.

- Về nội dung của Thông báo trả lời đơn số 820/TB-UBND: Trên cơ sở báo cáo nguồn gốc sử dụng đất đối với thửa đất 480 của UBND thị trấn A, nội dung buổi làm việc ngày 7/11/2022 thể hiện gia đình bà N1 và chị V không có bất cứ một trong các giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định 43/2014 của Chính phủ. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng thể hiện gia đình chị V và bà N1 không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất 1.080m² mà gia đình đang đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, UBND huyện

A đã trả lời không có căn cứ xem xét, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà N1 là có cơ sở.

[6]. Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đề nghị hủy Thông báo số 61/TB-UBND ngày 11/12/2023 của UBND xã H về việc trả lời nội dung đơn xin xác nhận quyền sử dụng đất của chị Phí Thị Thanh V:

- Về thẩm quyền ban hành: Theo quy định Luật Đất đai 2013; điểm a khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai thì: UBND xã có trách nhiệm xét duyệt nguồn gốc sử dụng đất. Do đó, khi nhận được đơn đề nghị xác nhận nguồn gốc đất của chị V, UBND xã đã ra Thông báo trả lời số 61/TB- UBND ngày 11/12/2023 là đúng thẩm quyền.

- Về trình tự, thủ tục ban hành: Sau khi nhận được đơn đề nghị xác nhận nguồn gốc đất của chị V, UBND xã H đã tiến hành kiểm tra, đối chiếu hồ sơ sổ sách địa chính do xã đang lưu trữ và ban hành thông báo trả lời đơn của chị V là đúng quy định. Quá trình giải quyết vụ án, chị V không có thắc mắc, khiếu nại về trình tự, thủ tục ban hành Thông báo nêu trên.

- Về nội dung của Thông báo số 61/TB-UBND ngày 11/12/2023 của UBND xã H: Chị Phí Thị Thanh V đề nghị UBND xã H phải xác nhận thửa đất 480, thuộc tờ bản đồ đo đạc theo Chỉ thị 299/TTG năm 1986 và tờ bản đồ 02, bản đồ địa chính năm 1990 thuộc quyền sở hữu của gia đình cụ Phí Văn G. Xét thấy: Toàn bộ hồ sơ địa chính qua các thời kỳ đo đạc, lập bản đồ từ năm 1986 đến nay đều không thể hiện bất cứ thông tin nào thể hiện cụ Phí Văn G là chủ sử dụng thửa đất số 480. Chị V cho rằng, cụ G được Hội nghị xã viên xã H chia cho 3 sào đất từ năm 1927 (hoặc 1929) là không có căn cứ, bởi lẽ thời điểm đó đất nước đang ở thời kỳ phong kiến, dưới ách thống trị của thực dân Pháp nên không thể có Hội nghị xã viên để giao đất cho cụ G như chị V trình bày. Những người làm chứng đã xác nhận nguồn gốc đất của cụ G như bà Phí Thị T7, ông Trần Văn Đ1...thì đều sinh ra sau thời điểm năm 1929 nên không thể biết được sự việc cụ G được giao đất như chị V trình bày. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị V lại khai nguồn gốc diện tích 1.080m² là do cụ G mua của cụ xã H nhưng cũng không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Do đó, UBND xã H xác nhận nguồn gốc sử dụng đất cho cụ Phí Văn G và gia đình chị V là có căn cứ.

[7] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Thông báo số 820/TB-UBND ngày 10/11/2022 của UBND huyện A, tỉnh Hưng Yên và Thông báo số 61/TB- UBND ngày 11/12/2023 của UBND xã H đã được ban hành là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phí Thị Thanh V là đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm chị V không có chứng cứ, tài liệu nào mới để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị V. Phần quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[8] Về án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Phí Thị Thanh V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện chị Phí Thị Thanh V.
2. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 82/2024/HC-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.
3. Về án phí: Chị Phí Thị Thanh V phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị V đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000017 ngày 05/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên). Xác nhận chị Phí Thị Thanh V đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.
4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND, VKSND tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, PHCTP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh